

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN  
DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - VNSAT**

# **BÁO CÁO**

**THỊ TRƯỜNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH – THỊ  
TRƯỜNG THÁI LAN**

**Hà Nội, 2018**

## Mục lục

I. Giới thiệu chung .....	3
II. Thực trạng sản xuất ngành hàng lúa gạo Thái Lan .....	5
2.1. Biến động sản xuất.....	5
2.2. Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm.....	7
2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất, thương mại .....	9
III. Thương mại lúa gạo Thái Lan.....	12
3.1. Xuất khẩu.....	12
3.3. Tiêu dùng trong nước.....	14
3.4. Dự trữ.....	15
3.5. Biến động giá cả .....	16
3.6. Chính sách thương mại .....	17
IV. Kết luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	19
Tài liệu tham khảo.....	21

## **Danh mục hình - bảng**

Bảng 1: Các chỉ số kinh tế Thái Lan giai đoạn 2014-2017.....	4
Hình 2: Diện tích canh tác lúa Thái Lan giai đoạn 2005-2017 .....	5
Hình 3: Sản lượng gạo và năng suất lúa Thái Lan giai đoạn 2005-2017.....	6
Hình 4: Xuất khẩu gạo của 5 nước đứng đầu (nghìn tấn).....	12
Bảng 5: Xuất khẩu gạo Thái Lan theo loại giai đoạn 2014-2017 (1000 tấn).....	13
Hình 6: Tiêu dùng gạo của một số quốc gia .....	14
Hình 7: Dự trữ gạo Thái Lan giai đoạn 2005-2017 .....	16
Hình 8: Giá gạo Thái Lan trên thị trường thế giới .....	17

## I. Giới thiệu chung

Thái Lan nằm trong khu vực Đông Nam Á, diện tích tự nhiên khoảng 514 nghìn km<sup>2</sup>. Thái Lan hiện là nước công nghiệp mới với định hướng xuất khẩu, ngành công nghiệp, dịch vụ và du lịch đã dần dần đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế trong khi vai trò của nông nghiệp đang giảm dần.

Từ 1985 – 1996 kinh tế Thái Lan đạt tốc độ tăng trưởng cao trung bình gần 9% một năm. Nhưng đến năm 1996 tăng trưởng kinh tế giảm xuống còn 5,9% và sau đó là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ 7/1997 làm cho kinh tế Thái Lan rơi vào tình trạng khó khăn trầm trọng, Chính phủ buộc phải thả nổi đồng Bạt; mức tăng GDP năm 98 là -10,5%; nợ nước ngoài khoảng 87 tỷ USD; các ngành sản xuất mũi nhọn như công nghiệp ô tô, dệt, điện tử suy giảm nghiêm trọng; thất nghiệp gia tăng, tính đến tháng 3/1998 đã có tới 2,8 triệu người thất nghiệp, chiếm 8,8% lực lượng lao động.

Kể từ năm 1998, kinh tế Thái Lan bắt đầu có dấu hiệu phục hồi. tăng trưởng đạt 4,2-4,4% vào năm 2000, phần lớn dựa vào xuất khẩu (tăng 20% năm 2000). Năm 2001, mức tăng trưởng bị giảm xuống còn 2,2% do ảnh hưởng của sự sụt giảm của kinh tế toàn cầu. Nhưng sau đó, kinh tế Thái Lan tăng trưởng mạnh dưới thời Thủ tướng Thaksin Shinawatra với một số dự án lớn. Từ 2002 - 2004, tăng trưởng đạt 5-7% một năm.

Từ năm 2007, những bất ổn chính trị đã gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của Thái Lan tuy nhiên các yếu tố cơ bản của nền kinh tế vẫn vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Thái Lan năm 2007 đạt 4,8%. Do bất ổn chính trị trong nước và ảnh hưởng tiêu cực bởi khủng hoảng tài chính, tăng trưởng kinh tế của Thái Lan năm 2008 chỉ đạt 3,6%. Năm 2009, xuất khẩu giảm mạnh, thất nghiệp gia tăng, tăng trưởng kinh tế Thái Lan giảm xuống 2,4%. Thời gian gần đây, kinh tế Thái Lan đã dần phục hồi. Tuy nhiên, đà tăng trưởng kinh tế vẫn còn phải phụ thuộc vào một số yếu tố trong đó có sự ổn định chính trị trong nước. Trong bối cảnh suy thoái kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan giảm sút rõ rệt khi chỉ tăng 0,1% năm 2011 do ảnh hưởng nghiêm trọng của lũ lụt. Năm 2012, Thái Lan đã phục hồi nền kinh tế, với GDP Thái Lan đạt hơn 646 tỷ USD, tăng trưởng đạt mức 5,6%.

Giai đoạn 2013-2015, tăng trưởng chậm do khủng hoảng chính trị trong nước cũng như nhu cầu toàn cầu giảm đã kiềm chế các mặt hàng xuất khẩu thế mạnh truyền thống của Thái Lan: thiết bị điện tử, hàng hóa nông nghiệp, ô tô và phụ tùng, thực phẩm chế biến. Hiện nay, Thái Lan đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động, và đã thu hút khoảng 2 – 4 triệu lao động nhập cư từ các nước láng giềng. GDP Thái Lan dần tăng trưởng tốt

lên, năm 2015 GDP tăng 2,8%, và con số này năm 2016 đạt 3,2%. Thái Lan đang triển khai Chiến lược Phát triển quốc gia 20 năm (2016 – 2035) và từ tháng 10/2016 bắt đầu thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế, xã hội 5 năm lần thứ 12 (2017 – 2021). Trong dài hạn, sự bất ổn về chính trị và tình trạng già hóa dân số sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế.

**Bảng 1: Các chỉ số kinh tế Thái Lan giai đoạn 2014-2017**

	2014	2015	2016	2017
<b>GDP (PPP) (Tỷ USD)</b>	1.094	1.148	1.185	1.229
<b>Tăng trưởng GDP (%)</b>	0,9	2,8	3,2	3,7
<b>GDP bình quân đầu người (USD)</b>	15.900	16.700	17.200	17.800
<b>Lực lượng lao động (Triệu người)</b>	39,51	39,12	28,45	38,37
<b>Tỷ lệ thất nghiệp (%)</b>	0,8	1	0,9	0,7
<b>Tỷ lệ lạm phát (%)</b>	2,1	-0,8	0,2	0,6
<b>Mặt hàng nông nghiệp chính</b>	gạo, cao su, sắn, ngô, mía, dừa, dầu cọ, đậu, dứa, gia súc, cá			
<b>Các ngành công nghiệp</b>	du lịch, dệt may, chế biến nông sản, đồ uống, thuốc lá, xi măng, sản xuất công nghiệp nhẹ, linh kiện điện tử, điện máy, nội thất, nhựa, vonfram, thiếc, ô tô và phụ tùng			
<b>Kim ngạch xuất khẩu (Tỷ USD)</b>	224,8	212,1	214,3	228,2
<b>Mặt hàng xuất khẩu chính</b>	Máy móc thiết bị; dầu thô; hóa chất, sắt thép, điện tử, vàng bạc, máy tính phụ tùng, cotton, sữa ...			

*Nguồn: VCCI, 2018*

Tuy nền kinh tế và chính trị Thái Lan còn nhiều bất ổn nhưng Thái Lan là rất thành công trong phát triển sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là gạo. Thái Lan luôn duy trì vị trí số 1 thế giới về xuất khẩu gạo trong nhiều năm qua. Các sản phẩm gạo của Thái Lan có mặt tại nhiều thị trường trên thế giới. Đây là đối thủ cạnh tranh trực tiếp đối với các sản phẩm gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Hơn nữa, vì cùng

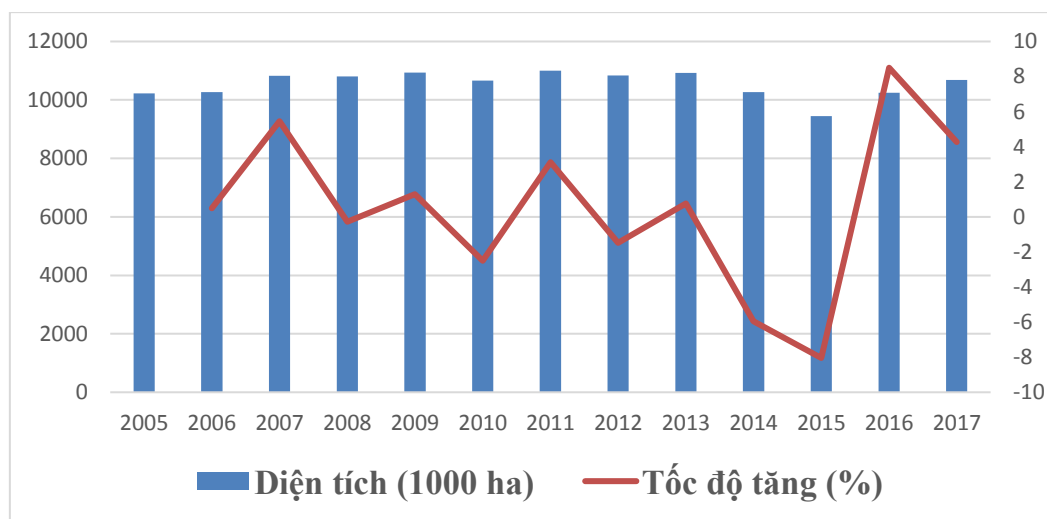
nằm trong khu vực Đông Nam Á nên Thái Lan có khá nhiều điểm tương đồng với Việt Nam cả về điều kiện tự nhiên và các đặc điểm văn hóa – xã hội. Vì vậy, nghiên cứu kinh nghiệm phát triển lúa gạo Thái Lan sẽ là bài học kinh nghiệm quý giá cho Việt Nam.

## II. Thực trạng sản xuất ngành hàng lúa gạo Thái Lan

### 2.1. Biến động sản xuất

Gạo là loại ngũ cốc quan trọng của Thái Lan. Khoảng 40 - 45% đất nông nghiệp của Thái Lan được dùng để trồng lúa. Diện tích lúa Thái Lan dao động trong khoảng từ 9-11 triệu ha do phụ thuộc lớn vào lượng mưa và điều kiện thời tiết hàng năm. Thái Lan là một trong các quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của các hiện tượng thời tiết như El Nino, La Nina. Theo Hiệp hội Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan, đợt hạn hán nghiêm trọng đầu năm 2015 đã ảnh hưởng đến khoảng 80% tổng diện tích đất canh tác nông nghiệp và có thể dẫn đến việc sản lượng gạo sụt giảm từ 15 đến 20%. Diện tích canh tác lúa của Thái Lan đạt mức thấp nhất kể từ năm 2005 (9,4 triệu ha). Năm 2016 và 2017, diện tích lúa Thái Lan tăng trở lại, đạt lần lượt là 10,247 triệu ha (tăng 8,5% so với năm 2015) và 10,684 triệu ha (tăng 4,3% so với năm 2016).

**Hình 2: Diện tích canh tác lúa Thái Lan giai đoạn 2005-2017**

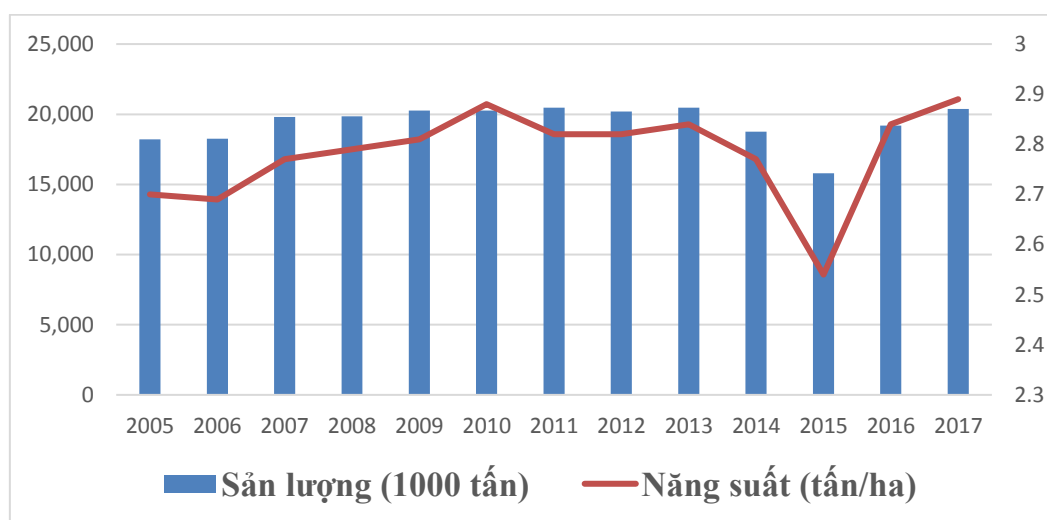


*Nguồn: USDA, 2018*

Khu vực trồng lúa chính của Thái Lan là ở các tỉnh Đông Bắc, chiếm hơn một nửa diện tích và sản lượng lúa gạo của Thái Lan. Nông dân Thái Lan chủ yếu chỉ trồng một vụ do chi phí trồng vụ hai cao hơn đáng kể so với vụ chính. Trong tổng sản lượng lúa gạo thì sản lượng vụ chính chiếm tới hơn 80%.

Theo USDA, sản lượng gạo (đã xay sát) hàng năm của Thái Lan khá ổn định ở mức 20 triệu tấn. Từ 2007-2010, sản lượng lúa gạo (chưa xay sát) Thái Lan tăng lên 30-30,7 triệu tấn (tương đương với 20 triệu tấn gạo) do điều kiện thời tiết thuận lợi và năng suất được cải thiện. Giai đoạn tiếp theo, Thái Lan thực hiện Chương trình cam kết lúa gạo và Chương trình bảo hiểm giá khiến diện tích mở rộng và sản lượng tăng thêm khoảng 1 triệu tấn thóc.

**Hình 3: Sản lượng gạo và năng suất lúa Thái Lan giai đoạn 2005-2017**



*Nguồn: USDA, 2018*

Năm 2014, chương trình về lúa gạo của chính phủ kết thúc khiến diện tích và sản lượng giảm. Cùng thời gian đó, Chương trình tái cơ cấu ngành lúa gạo giai đoạn 2015-2019 được thực hiện với chủ trương giảm diện tích lúa. Chính phủ đã ban hành lệnh cấm sản xuất lúa gạo trái mùa do hạn chế về nguồn nước. Đồng thời, do ảnh hưởng của hạn hán nên sản lượng gạo Thái Lan giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2005 (15,8 triệu tấn). Năm 2016, nguồn cung nước dồi dào cho hệ thống thủy lợi vào đầu tháng 4 đã đưa diện tích thủy lợi hóa đạt 1,2 triệu ha nhằm khôi phục hoạt động sản xuất bị tác động nặng nề bởi tình trạng thiếu nước năm 2015. Do vậy, sản lượng gạo năm 2016 tăng lên 19,2 triệu tấn, tăng 21,5% so với sản lượng năm 2015. Năm 2017, sản lượng gạo tăng trở lại mức 20 triệu tấn. Mức tăng này phản ánh sản lượng tăng cả ở vụ chính và vụ hai nhờ điều kiện sản xuất thuận lợi được duy trì.

Năng suất lúa Thái Lan đạt trung bình 2,8 tấn/ha. Từ 2005 đến 2010, năng suất lúa gạo Thái Lan tăng từ 2,7 tấn/ha lên 2,88 tấn/ha nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và những

nỗ lực cải thiện năng suất. Giai đoạn tiếp theo, năng suất có xu hướng giảm do thiếu hụt nguồn nước sản xuất và tăng trở lại vào năm 2016.

Thái Lan chủ yếu sản xuất ba loại gạo: gạo nếp, gạo trắng dài và gạo thơm. Gạo nếp thường được tiêu thụ tại địa phương hoặc xuất khẩu sang Lào. Gạo trắng dài và gạo thơm được tiêu thụ trong cả nước và xuất khẩu. Thái Lan đang hướng tới trồng gạo xuất khẩu có giá trị cao, năng suất không cao, nhưng trồng không cần nước tưới, chỉ cần nước mưa, 7 tháng mới thu hoạch, năng suất đạt khoảng 2,8- 3,5 tấn. Đặc biệt, người nông dân Thái Lan cũng nghèo như nông dân Việt. Hai năm trở lại đây, chính phủ, quân đội đã yêu cầu Bộ Nông nghiệp Thái Lan phải chính sửa chính sách, chuyển đổi cơ cấu trồng lúa sang trồng các loại cây khác. Như hiện nay, Thái Lan trồng rất nhiều xoài, vải thiều...năng suất cao, xuất khẩu nhiều.

## **2.2. Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm**

Ở Thái Lan, có nhiều tác nhân tham gia sơ chế và chế biến gạo, bao gồm: nông dân, hợp tác xã/tổ hợp tác, thương lái, đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối, cơ sở xay xát, nhà xuất khẩu và chính phủ.

Nông dân Thái Lan có thể phân chia thành 2 nhóm: nông trang (trồng lúa trên qui mô lớn, diện tích thường trên 3 ha) và nông trại. 90% nông dân Thái Lan canh tác trên đất đai thuộc quyền sở hữu của mình. Số còn lại canh tác trên đất thuê. Nông dân Thái Lan có thể dễ dàng tiếp cận vốn từ Ngân hàng phát triển nông nghiệp bằng cách thế chấp ruộng đất mình sở hữu.

Nông trang chủ yếu trồng lúa theo các hợp đồng thương mại ký kết với các cơ sở xay xát hoặc một số doanh nghiệp xuất khẩu. Trong khi đó nông trại trồng lúa một phần để cung cấp lương thực cho bản thân gia đình một phần để bán ra bên ngoài. Các nông trại bán lúa chủ yếu cho thương lái địa phương. Phần còn lại bán trực tiếp cho các cơ sở xay xát hoặc các đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối. Ước tính có khoảng 44% lượng lúa gạo của Thái Lan được sản xuất bởi các nông trại. Khoảng 60% các nông trại trồng lúa nếp (glutinous rice) để tự tiêu dùng và bán cho thị trường địa phương. Số nông trại còn lại và các nông trang trồng lúa tẻ (gạo tẻ trắng dài hoặc gạo thơm) vì mục đích thương mại: được tiêu thụ khắp cả nước hoặc xuất khẩu.

Hợp tác xã/tổ hợp tác là hình thức liên kết giữa các nông trại nhằm mục đích tương trợ lẫn nhau cả về đầu vào sản xuất, tài chính, tăng quy mô sản xuất hoặc tăng khả năng



thỏa thuận giá bán đầu ra với các thương lái địa phương. Mỗi hợp tác xã/tổ hợp tác thường có tối thiểu 30 hộ nông dân và có tư cách pháp nhân riêng. Các hợp tác xã/tổ hợp tác thường đầu tư cả công đoạn xay xát để bán gạo trực tiếp cho các đầu mối bán buôn, cho các nhà xuất khẩu, hoặc trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng của một số quốc gia nhập khẩu gạo.

Thương lái là những người ở địa phương hoặc ở thành phố, thường có điều kiện về phương tiện giao thông và kho cất trữ lúa, đến thu mua lúa của nông dân. Đôi khi các thương lái cung cấp các đầu vào (phân bón, giống, thuốc trừ sâu, vốn...) cho nông dân vào đầu vụ để đổi lấy việc thu mua lúa vào cuối vụ. Thương lái địa phương chủ yếu bán lại lúa cho các đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối hoặc cho các cơ sở xay xát. Các thương lái cũng có thể thuê xay xát và sau đó bán lúa cho các thương nhân hoặc doanh nghiệp cung ứng gạo.

Đầu mối thu mua (assemblers) tại các chợ đầu mối thu mua lúa của các nông trại hoặc của các thương lái địa phương. Sau khi thu mua, các đầu mối thu mua sẽ bán lại cho các cơ sở xay xát. Họ cũng có thể thuê các cơ sở xay xát và bán gạo cho các thương nhân hoặc doanh nghiệp cung ứng. Các giao dịch giữa đầu mối thu mua và các cơ sở xay xát hoặc thương lái diễn ra tại chợ đầu mối. Các chợ đầu mối có thể do nhà nước hoặc tư nhân lập ra. Ở Thái Lan, có 3 chợ trung tâm do Ngân hàng hợp tác xã nông nghiệp (Bank for Agricultural Cooperatives (BAAC)) được đặt ở 3 vùng sản xuất gạo chính (phía Bắc, Đông Bắc và vùng Trung tâm). Các khu vực khác, gồm 176 vùng ngoại ô, do Vụ khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và hợp tác xã quản lý (Aree Wiboonpongse & Yaowares Chaovanapoonphol, 2001).

Cơ sở xay xát có nhiều loại. Đa số là các cơ sở xay xát truyền thống phục vụ việc xay xát các loại lúa cho tiêu dùng tại địa phương; số còn lại là các cơ sở xay xát thuộc hợp tác xã, thuộc các doanh nghiệp chế biến, hoặc các cơ sở xay xát thuê. Đa phần các cơ sở xay xát nhỏ thực hiện dịch vụ xay xát thuê cho các hộ nông dân và thương lái. Chỉ có các cơ sở xay xát lớn có kho chứa là đầu tư trữ lúa trong vụ gặt sau đó xay xát và bán trong các thời điểm khác nhau. Các cơ sở thương lái đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin về giá. Họ là trung gian kết nối giữa các nhà môi giới, xuất khẩu và nông dân. Họ chính là người định giá thu mua lúa trên thị trường và phát tín hiệu ngược trở lại cho khu vực môi giới và xuất khẩu để định giá gạo.

Các nhà xuất khẩu thường có cơ sở xay xát riêng và thu mua lúa trực tiếp từ nông trang, hợp tác xã cũng như các đầu mối thu mua tại các chợ đầu mối để xay xát thành gạo phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu của mình. Tỷ lệ gạo xuất khẩu được doanh nghiệp xuất khẩu chế biến từ thu mua lúa trực tiếp thường không nhiều Chính phủ Thái Lan đã đưa ra chính sách thu mua lúa thóc của nông dân với mức giá bảo hộ (Price Guarantee Program) và cho phép nông dân mua lại trong vòng 9 tháng, kèm theo lãi suất khoảng 3%/năm (Mortgage Programme). Chính sách trợ giá gạo này tuy đảm bảo lợi nhuận cho người nông dân nhưng tiêu tốn khoảng 4 tỷ USD mỗi năm và đã bị chấm dứt kể từ 28/02/2014.

Các doanh nghiệp xuất khẩu tìm kiếm khách hàng qua marketing của chính mình hoặc qua thực hiện các quota phân bổ từ các hợp đồng G2G theo sự điều phối của Phòng thương mại xuất khẩu thuộc Bộ thương mại Thái Lan. Hiện nay, hoạt động xuất khẩu thông qua các hợp đồng G2G chiếm khoảng 20% tổng lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan.

### **2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất, thương mại**

#### ***Chính sách trợ giá nông sản***

Nhiều ưu đãi về vốn và tăng cường bảo hiểm cho người nông dân được Chính phủ Thái Lan thực hiện; thuê nông nghiệp được bãi bỏ. Chính phủ hỗ trợ các chương trình tiếp thị, tìm kiếm địa chỉ xuất khẩu những sản phẩm sau thu hoạch và chế biến nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho tiêu thụ nông sản thông qua việc đẩy mạnh hình thức hợp đồng “chính phủ với chính phủ”; và đồng bộ hóa các chính sách để bảo đảm tính liên thông từ khâu gieo trồng, sản xuất đến bao tiêu xuất khẩu và giảm rủi ro cho người nông dân.

Chính phủ Thái Lan thực hiện trợ giá cho nông dân đối với các nông sản chủ yếu như gạo, cao su, trái cây,... Khi giá thị trường thấp, Chính phủ đã dùng ngân sách bao tiêu nông sản cho nông dân. Việc trợ giá nông sản không chỉ thực hiện ở việc mua nông sản với giá ưu đãi, mà nông dân trồng lúa còn được hưởng những ưu đãi như mua phân bón với giá thấp, miễn cước vận chuyển phân bón, được cung cấp giống mới có năng suất cao, được vay vốn lãi suất thấp từ ngân hàng nông nghiệp,... Ngoài ra, Thái Lan cũng hỗ trợ về giá cho nông dân trồng 5 loại cây chủ lực là sắn, nhãn, vải, măng cụt và chôm chôm. Để thực hiện tốt chính sách hỗ trợ này, Chính phủ Thái Lan sử dụng các chuyên viên cao cấp phụ trách chương trình với nhiệm vụ giám sát từ việc sản xuất, phân phối, chế biến, giá cả cho đến tìm thị trường xuất khẩu mới.

Ngày 17/7/2018, chính phủ Thái Lan đã phê chuẩn các chính sách hỗ trợ sản xuất lúa gạo trị giá 90 tỷ Baht (2,8 tỷ USD) để bình ổn giá gạo vụ chính niên vụ 2018/19 sẽ thu hoạch vào khoảng tháng 11/2018. Các chính sách hỗ trợ sản xuất nội địa được phê chuẩn bao gồm: (a) Chương trình thế chấp lúa; (b) Chương trình hỗ trợ tiền mặt trực tiếp; và (c) Chương trình bù lãi vay. Chính phủ Thái Lan đặt mức cho vay trong chương trình thế chấp lúa vụ chính 2018/19 ở mức cao hơn 4 – 9% so với vụ chính 2017/18 đối với phần lớn các loại gạo, ngoại trừ gạo nếp mức hỗ trợ thấp hơn 6% so trong cùng kỳ so sánh. Tuy nhiên, mức cho vay đối với lúa gạo thơm đang thấp hơn 12 – 24% so với giá thị trường hiện tại; trong khi mức cho vay đối với lúa gạo trắng tương đương giá thị trường. Trong khi đó, mức cho vay đối với lúa gạo nếp cao hơn 15% so với giá trị thị trường. Ngoài ra, nông dân tham gia vào chương trình thế chấp lúa sẽ nhận được hỗ trợ chi phí lưu kho 1.500 Baht/tấn (46 USD/tấn). Mục tiêu của chương trình là đạt 2 triệu tấn lúa gạo.

Chương trình hỗ trợ tiền mặt trực tiếp dành cho các khoản chi phí thu hoạch và sau thu hoạch, lên đến 1.500 Baht/rai (288 USD/ha) cho tối đa 12 rai (1,9ha) mỗi hộ gia đình. Chương trình bù lãi suất là dành cho các thương nhân và các nhà chế biến gạo để giữ lúa gạo trong kho trong vòng 2 – 6 tháng, và dành cho các tổ chức nông dân để thu mua lúa với mục tiêu đạt 7 triệu tấn lúa thu mua trong giai đoạn tháng 10-12/2018. Xét đến mục tiêu lúa gạo theo chương trình hỗ trợ lãi suất, tổng lượng gạo mục tiêu theo các chính sách hỗ trợ sản xuất nội địa sẽ là khoảng 9 triệu tấn lúa, tương đương 40% tổng sản lượng lúa vụ chính của Thái Lan.

### ***Chính sách đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới trong nông nghiệp***

Do diện tích đất nông nghiệp có hạn nên Thái Lan đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhằm cải tạo đất trồng, lai tạo các giống cây trồng mới có khả năng thích ứng với những vùng đất canh tác bạc màu, khô hạn. Để giữ và nâng cao độ phì nhiêu đất nông nghiệp, Thái Lan sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh và thuốc trừ sâu sinh học. Thông qua đó, vừa giúp sử dụng quỹ đất hiệu quả, giảm nhập khẩu phân bón và nâng cao xuất khẩu nông sản hữu cơ sạch.

Ở Thái Lan hiện nay, mức độ cơ giới hóa đã bao phủ từng thửa ruộng. Ngay cả những khâu sau thu hoạch cũng được cơ giới hóa toàn bộ. Nhưng bí quyết thành công của nông dân Thái Lan chính là sự kết hợp khéo léo giữa kinh nghiệm canh tác truyền thống với việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Bởi do điều kiện tự nhiên

khác nhau nên nhiều vùng cần phải có những công nghệ và kỹ thuật canh tác đặc thù. “Nút thắt cổ chai” trong việc nâng cao chất lượng nông sản theo hướng phát triển bền vững đã được các nhà khoa học tháo gỡ bằng công nghệ sinh học (công nghệ biến đổi gen, lai tạo giống cây trồng, vật nuôi,...).

### ***Chính sách cơ cấu lại công nghiệp nông thôn***

Chính phủ Thái Lan đã tập trung vào các công việc: Cơ cấu lại ngành nghề phục vụ phát triển công nghiệp nông thôn, xem xét, đánh giá đầy đủ các nguồn tài nguyên, những kỹ năng truyền thống, nội lực, tiềm năng trong lĩnh vực sản xuất và tiếp thị,... Từ đó, tập trung phát triển các ngành mũi nhọn như sản xuất hàng nông sản, thủy sản, hải sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

Công nghiệp chế biến thực phẩm Thái Lan phát triển mạnh nhờ thực hiện một số chương trình hỗ trợ sau:

- Thực hiện chương trình “Một làng một sản phẩm” (One tambon, One product - OTOP), tức là mỗi làng làm ra một sản phẩm tiêu biểu, đặc trưng và có chất lượng cao; chương trình “Quỹ Làng” (Village Fund Program) nghĩa là mỗi làng sẽ nhận được một triệu baht từ Chính phủ cho dân làng vay mượn để phát triển kinh tế - xã hội. Trên thực tế đã có trên 75.000 ngôi làng ở Thái Lan được nhận khoản vay này.

- Chương trình: “Thái Lan là bếp ăn của thế giới” nhằm khuyến khích các nhà chế biến và nông dân có những hành động thiết thực kiểm soát chất lượng vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an toàn cho hàng nông sản xuất khẩu và người tiêu dùng.

### ***Chính sách mở rộng thị trường để thu hút đầu tư mạnh mẽ của nước ngoài cho nông nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến thực phẩm***

Chính phủ Thái Lan đã có chính sách trợ cấp ban đầu cho các nhà máy chế biến và đầu tư trực tiếp vào các kết cấu hạ tầng như cảng, kho lạnh, sàn đấu giá và đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; xúc tiến phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đây là trách nhiệm của Cục xúc tiến Công nghiệp, Cục xúc tiến Nông nghiệp, Cục Hợp tác xã, Cục thủy sản, cơ quan tiêu chuẩn sản phẩm công nghiệp trực thuộc Bộ Công nghiệp và Bộ Nông nghiệp.

### ***Chính sách đẩy mạnh đào tạo kỹ thuật canh tác, chuyển giao công nghệ cho nông dân***

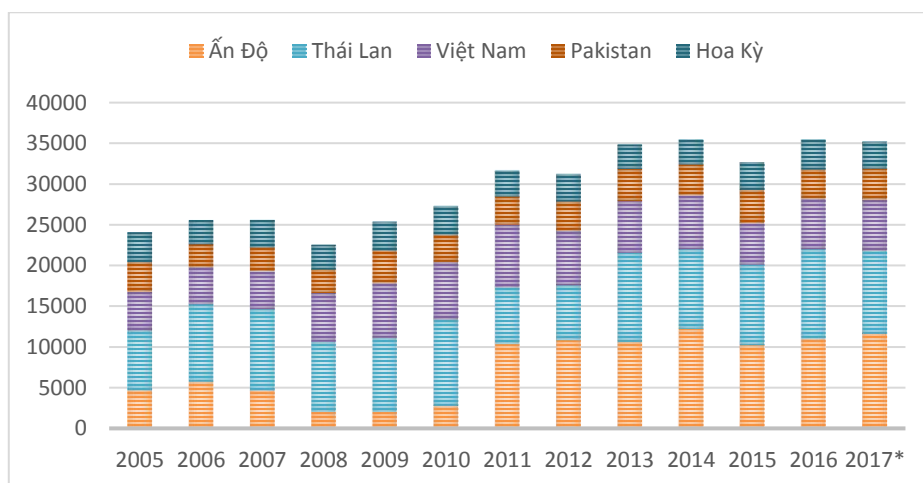
Công tác đào tạo kỹ thuật, nâng cao nhận thức cho người nông dân được coi trọng. Nhiều trường đại học, cao đẳng, trung học mở các khóa học tại chỗ về kỹ thuật canh tác, chuyển giao công nghệ nhằm thu hút và nâng cao trình độ nguồn nhân lực nông nghiệp. Thí dụ trường Chulalongkorn (lọt vào top 200 trường đại học hàng đầu thế giới) đã đầu tư thiết bị thí nghiệm hiện đại, hợp tác với chuyên gia từ những nước đi đầu trong nghiên cứu khoa học kỹ thuật nông nghiệp, đồng thời tạo cơ chế đãi ngộ cho nhiều nghiên cứu sinh trẻ sang nghiên cứu tại các trường đại học ở Mỹ, Nhật Bản và châu Âu. Nhờ những hướng đi đúng đắn trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nên những vùng đất hoang, địa hình đồi núi dốc và cả những vùng khô cằn cũng được khai thác, sử dụng trồng không chỉ có ngô, lúa nương, mà còn trồng được nhiều loại lúa cao sản với năng suất cao.

### III. Thương mại lúa gạo Thái Lan

#### 3.1. Xuất khẩu

Trong gần 30 năm qua, Thái Lan luôn là nhà xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan cũng được đánh giá là đáng tin cậy. Trong thập kỷ qua đánh dấu giai đoạn tăng trưởng mạnh của xuất khẩu gạo Thái Lan. Từ năm 2007, giá gạo trên thị trường thế giới bắt đầu tăng. Trong khi Việt Nam và Ấn Độ hạn chế xuất khẩu gạo thì Thái Lan lại khuyến khích mở rộng thị trường. Lượng gạo xuất khẩu tăng từ 7,4 triệu tấn năm 2005 lên 10 triệu tấn năm 2007, tương đương tăng 35%. Cuối năm 2008, Thái Lan bắt đầu tăng cường dự trữ gạo, xuất khẩu gạo giảm để cạnh tranh với gạo giá thấp hơn từ Việt Nam.

**Hình 4: Xuất khẩu gạo của 5 nước đứng đầu (nghìn tấn)**



Nguồn: USDA, 2018

Trong giai đoạn 2008-2010, Thái Lan vẫn chi phối thị trường gạo thế giới với lượng xuất khẩu dao động trong khoảng 9-10 triệu tấn. Các yếu tố thúc đẩy xuất khẩu gạo Thái Lan gồm: tăng dự trữ và xuất khẩu gạo đúng thời điểm, Ấn Độ giảm xuất khẩu gạo non-batisma. Tuy nhiên, sự cạnh tranh từ Ấn Độ và Việt Nam đã khiến xuất khẩu gạo Thái Lan giảm nhẹ vào năm 2011, 2012. Theo USDA, lượng gạo xuất khẩu giảm khoảng 7 nghìn tấn mỗi năm. Từ năm 2013, lượng gạo xuất khẩu Thái Lan tăng trở lại và đạt mức kỷ lục gần 12 triệu tấn vào năm 2016.

Theo Bộ Thương mại Thái Lan, xuất khẩu gạo Thái Lan trong 7 tháng đầu năm 2018 đạt 6,2 triệu tấn, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2017 do tăng xuất khẩu gạo trắng và gạo đỏ không bù đắp được giảm xuất khẩu gạo thơm. Xuất khẩu gạo thơm đạt 1 triệu tấn, giảm 35% trong cùng kỳ so sánh do nguồn cung nội địa thấp sau khi chính phủ Thái Lan bán toàn bộ tồn kho gạo thơm chất lượng tốt còn lại trong các kho chính phủ hồi năm ngoái. Áp lực tăng giá xuất hiện khi nguồn cung sản xuất nội địa giảm, đẩy giá gạo thơm xuất khẩu lên mức cao kỷ lục. Trong 7 tháng đầu năm 2018, giá gạo thơm xuất khẩu đạt trung bình 1.100 USD/tấn, FOB Bangkok, tăng 70% so với cùng kỳ năm 2017. Trong khi đó, xuất khẩu gạo trắng và gạo đỏ trong 7 tháng đầu năm 2018 lần lượt tăng 12% và 2% so với cùng kỳ năm 2017. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này thấp hơn so với mức tăng trưởng xuất khẩu cùng loại gạo trong nửa cuối năm 2017 – khi xuất khẩu gạo trắng và gạo đỏ lần lượt tăng 22% và 16% so với cùng kỳ năm 2016 do tồn kho gạo chính phủ năm 2018 thấp hơn nhiều so với năm 2017. Giá gạo trắng xuất khẩu trung bình trong 7 tháng đầu năm 2018 tăng lên xấp xỉ 415 USD/tấn, tương đương tăng 7% so với cùng kỳ năm 2017.

**Bảng 5: Xuất khẩu gạo Thái Lan theo loại giai đoạn 2014-2017 (1000 tấn)**

	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>
<b>Gạo trắng</b>	5183,646	4994,387	4819,941	5070,062
<b>Gạo đỏ</b>	3261,521	2316,900	2149,597	3370,384
<b>Gạo thơm</b>	2030,844	2111,658	2497,912	2671,033
<b>Gạo nếp</b>	493,359	372,835	438,943	516,822
<b>Tổng</b>	10969,370	9795,780	9906,393	11628,301

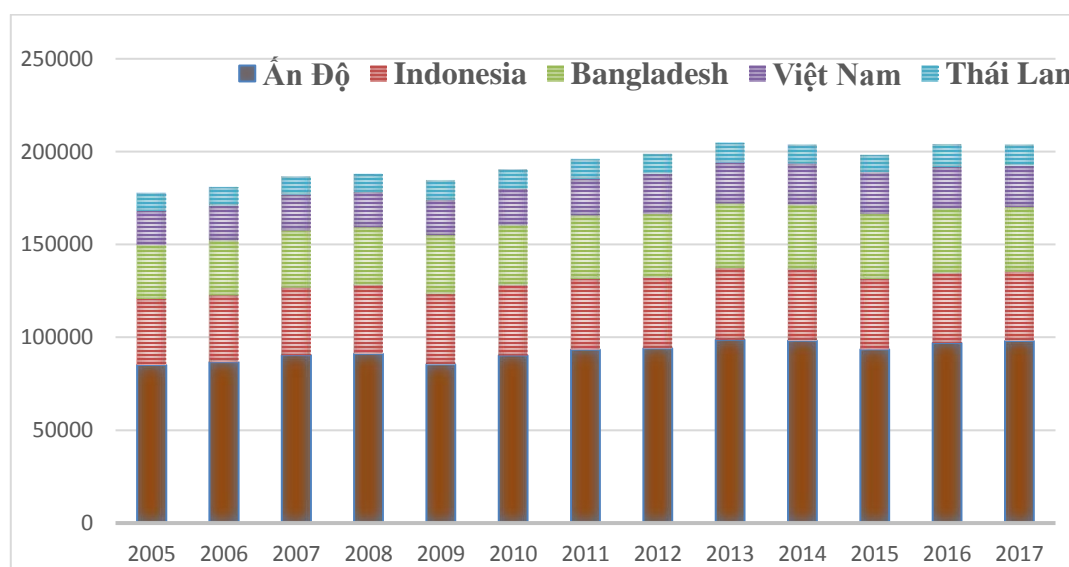
*Nguồn: USDA, 2018*

Thái Lan tập trung thúc đẩy xuất khẩu gạo qua kênh liên chính phủ G2G. Gạo Thái Lan ngoài cạnh tranh bằng chất lượng, mức giá của gạo Thái cũng khá cạnh tranh so với gạo Việt Nam và Ấn Độ. Ngoài ra, việc đồng baht tăng giá làm gạo Thái gặp phải cạnh tranh từ gạo Việt và Ấn Độ. Các thị trường mà Thái Lan hướng tới gồm có Indonesia, Malaysia, Philippines, Iraq, Iran. Tuy nhiên, sản lượng và xuất khẩu gạo Thái cũng dự báo sẽ giảm do người dân chuyển sang trồng các nông sản mang về nhiều lợi nhuận hơn như sắn, ngô và mía. Các sản phẩm gạo xuất khẩu chính của Thái Lan bao gồm: gạo trắng chiếm 48,7%, gạo đỏ chiếm 27,7% và gạo Hom mali chiếm 10,2%. Các thị trường tiêu thụ gạo Thái Lan chính là: Benin, Trung Quốc, Nam Phi, Cameroon và Mỹ.

### 3.3. Tiêu dùng trong nước

So với các quốc gia sản xuất gạo khác, lượng gạo tiêu dùng trong nước của Thái Lan khá thấp. Tuy nhiên, trong hơn một thập kỷ qua lượng gạo tiêu dùng nội địa Thái Lan (bao gồm cả sử dụng làm thức ăn và các mục đích khác) vẫn liên tục tăng. Tổng lượng gạo sử dụng tăng từ 9,544 triệu tấn năm 2005 lên 11,2 triệu tấn năm 2017 với tốc độ tăng trung bình 1,8%/năm trong toàn giai đoạn. Theo USDA, lượng tiêu dùng gạo Thái Lan tăng chủ yếu là do nhu cầu sử dụng thức ăn tăng. Gạo là thức ăn chủ yếu ở Thái Lan với mức tiêu thụ bình quân đầu người dao động trong khoảng khoảng 80 kg/người đối với các hộ gia đình ở thành phố và 155kg/người đối với các hộ gia đình nông thôn.

**Hình 6: Tiêu dùng gạo của một số quốc gia**



*Nguồn: USDA, 2018*

Hàng năm, khoảng 10% lượng gạo được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, chủ yếu là gạo kém chất lượng, gạo tằm. Lượng gạo sử dụng làm thức ăn chăn nuôi dao động phụ thuộc vào giá gạo và giá các loại nguyên liệu khác. Như năm 2013, các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi giảm lượng gạo và gạo tằm và tăng lượng sắn do giá gạo trên thị trường cao. Các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi đề xuất chính phủ bán gạo tằm dự trữ với mức giá thấp để trợ giúp các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi nhỏ. Năm 2015 và 2016, lượng lúa mì nhập khẩu để thay thế gạo tằm trong thức ăn chăn nuôi tăng. Ngoài ra, gạo sử dụng trong công nghiệp và sử dụng cho các mục đích khác ngoài thức ăn cũng tăng trong những năm gần đây.

### **3.4. Dự trữ**

Trong thập kỷ qua, lượng gạo dự trữ Thái Lan có nhiều biến động do ảnh hưởng của chính sách từ Chính phủ. Năm 2008, khi giá gạo tăng cao và một số quốc gia hạn chế xuất khẩu gạo (Việt Nam, Ấn Độ), Chính phủ Thái Lan đã thực hiện Chương trình thể chấp gạo nhằm tăng lượng gạo dự trữ để đáp ứng nhu cầu của thế giới. Lượng gạo dự trữ duy trì ở mức 6 triệu tấn. Tuy nhiên, đến năm 2010 chính phủ bắt đầu giảm lượng dự trữ xung quanh mức 4 triệu tấn, trong đó chủ yếu là gạo 5% tằm. Lượng gạo dự trữ này chủ yếu phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước trong những giai đoạn trái mùa để ổn định giá gạo trong nước.

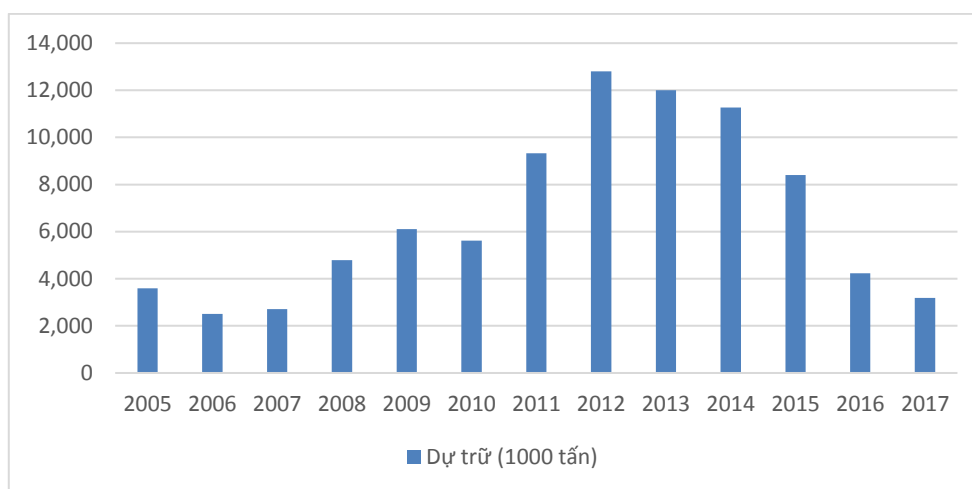
Chương trình cam kết lúa gạo bắt đầu thực hiện năm 2011 đánh dấu thời điểm tăng mạnh của lượng gạo dự trữ Thái Lan. Lượng gạo dự trữ đạt mức cao nhất vào năm 2012 (12,808 triệu tấn). Năm 2013, Bộ Công thương Thái Lan cam kết bán gạo dự trữ để lấy kinh phí cho các chương trình khác. Do thời gian và chất lượng nên giá gạo dự trữ bán ra thấp hơn và có thể cạnh tranh được với gạo Việt Nam. Từ năm 2013, lượng gạo dự trữ bắt đầu giảm. Năm 2015, khi sản lượng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi thời tiết, chính phủ nhanh chóng xuất gạo dự trữ để bình ổn giá thị trường. Hiện nay, lượng gạo dự trữ duy trì ở mức 3-4 triệu tấn, bao gồm gạo lương thực, gạo làm thức ăn chăn nuôi và một số lượng nhỏ sử dụng các mục đích khác.

Trong 7 tháng đầu năm 2018, chính phủ Thái Lan đã bán xấp xỉ 2 triệu tấn gạo tồn kho thừa hưởng từ chính phủ tiền nhiệm. Trong đó bao gồm: (a) 43.725 tấn gạo đạt chất lượng thực phẩm, (b) 1,4 triệu tấn gạo chất lượng làm TACN, (c) 0,5 triệu tấn gạo chỉ dùng trong công nghiệp. Phần lớn lượng gạo này là gạo trắng, dự trữ từ chương trình thể chấp gạo niên vụ 2011/12 – 2012/13. Giá bán trung bình cho gạo chất lượng làm thực phẩm là



18.000 Baht/tấn (563 USD/tấn) đối với gạo thơm và 11.400 Baht/tấn (356 USD/tấn) đối với gạo trắng 5% tấm. Giá bán trung bình gạo chất lượng làm TACN là 5.500 Baht/tấn (169 USD/tấn) và gạo chỉ dùng trong công nghiệp là 3.450 Baht/tấn (106 USD/tấn).

**Hình 7: Dự trữ gạo Thái Lan giai đoạn 2005-2017**



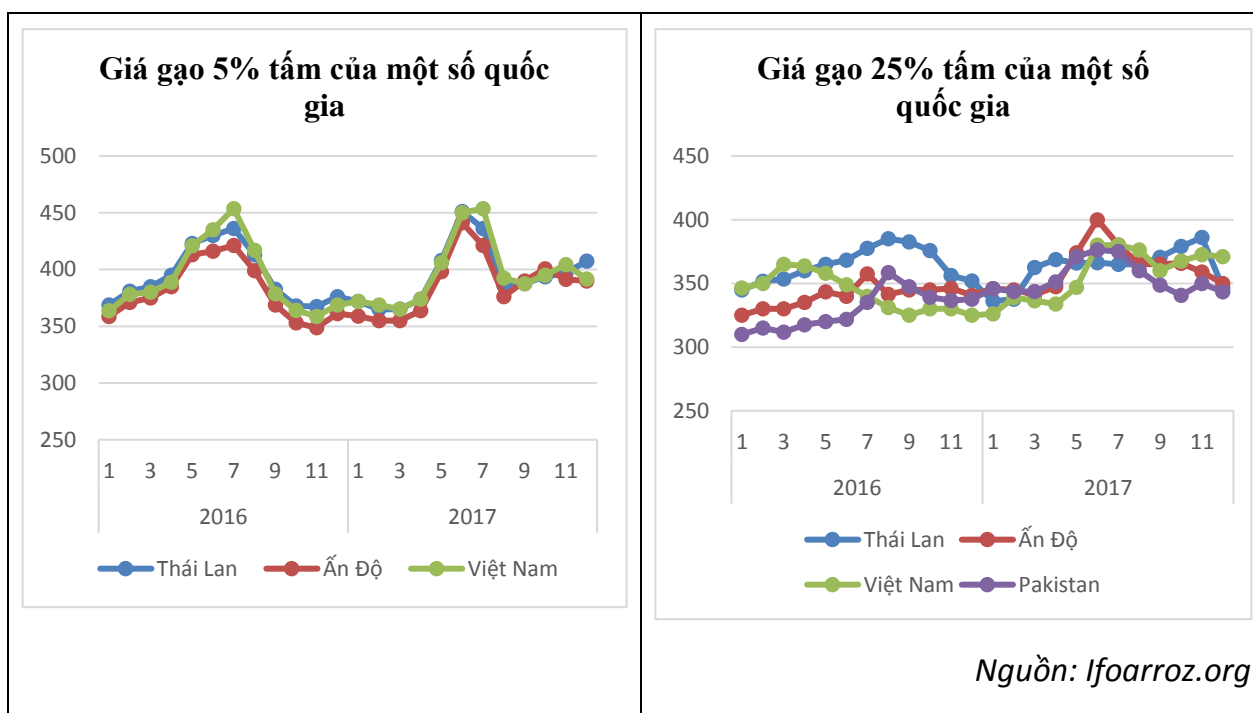
*Nguồn: USDA, 2018*

Doanh thu từ bán gạo tồn kho không đủ chất lượng làm thực phẩm góp phần làm giảm giá gạo trắng nội địa trong quý 2/2018. Để so sánh, chính phủ đã bán 6 triệu tấn gạo tồn kho trong năm 2017 (một nửa trong số này là tồn kho gạo đủ chất lượng làm thực phẩm). Đến đầu tháng 8/2018, chính phủ Thái Lan vẫn còn xấp xỉ 300.000 tấn gạo trong kho, bao gồm 245.077 tấn gạo đủ chất lượng làm TACN và 22.341 tấn gạo chỉ dùng trong công nghiệp. Đến cuối tháng 8/2018, chính phủ Thái Lan đã tổ chức các phiên đấu giá và bán toàn bộ lượng gạo còn lại trong kho và tồn kho gạo hiện có chỉ nằm trong các kho tư nhân. USDA dự báo tồn kho gạo tư nhân Thái Lan cuối kỳ 2017/18 là 2,7 triệu tấn và cuối kỳ 2018/19 là 3,2 triệu tấn.

### **3.5. Biến động giá cả**

Cùng xu thế với biến động giá trên thị trường thế giới nhưng các sản phẩm gạo của Thái Lan tương đương với giá gạo Ấn Độ và cao hơn giá gạo cùng loại của Việt Nam từ 5-40 USD/tấn. Tuy nhiên, những tháng cuối năm giá gạo của Việt Nam giữ ở mức khá cao, bằng với giá gạo Ấn Độ và cao hơn giá gạo cùng loại Thái Lan. Trong tháng 10, giá xuất khẩu gạo 5% tấm và 25% tấm ở mức tương ứng 394 và 371 USD/tấn.

**Hình 8: Giá gạo Thái Lan trên thị trường thế giới**



Theo tính toán, giá trung bình gạo xuất khẩu Việt Nam trong 10 tháng đầu năm 2017 ở mức 449 USD/tấn, bằng với mức giá trung bình năm 2016. Tuy nhiên, xét biến động các tháng, giá xuất khẩu trung bình các tháng cuối năm 2017 tăng trong khi mức giá trong các tháng cuối năm 2016 có xu thế giảm nhẹ.

### 3.6. Chính sách thương mại

Chính phủ Thái Lan đã ban hành nhiều quy định mới đối với các hoạt động trao đổi thương mại để quản lý nhiều nhóm mặt hàng bao gồm: (i) lệnh cấm nhập khẩu đối với 8 nhóm mặt hàng; (ii) tăng thuế đối với mặt hàng thuốc lá; (iii) giảm thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng đá quý và ngọc trai; (iv) áp dụng nhiều biện pháp quản lý thương mại xuất khẩu đối với mặt hàng hoa quả của các nhà kinh doanh Trung Quốc. Các quy định trên được ban hành với mục đích quản lý thị trường và nhiều nhóm mặt hàng tốt hơn.

Bộ Thương mại Thái Lan thông báo cấm nhập khẩu và xuất khẩu đối với 8 nhóm mặt hàng thuộc danh mục những nhóm mặt hàng nhạy cảm cần hạn chế trao đổi thương mại thông qua hình thức xuất nhập khẩu hoặc áp dụng quản lý như sau: (i) sản phẩm nhái và làm giả thương hiệu nổi tiếng; (ii) cát-xét ghi âm, đĩa CD, băng video, các chương trình máy tính, sách và các sản phẩm chứa nội dung sao chép và lưu sao có chỉnh sửa các sản phẩm bản quyền của người khác; (iii) thiết bị làm bằng thủy tinh hút thuốc hoặc tương tự

bằng điện tử; (iv) máy đánh bạc, máy trò chơi đua ngựa, máy trò chơi Pachinko, máy sử dụng xèng và các loại máy chơi khác sử dụng xèng một phần hoặc toàn bộ; (v) voi; (vi) tượng hoặc các phần của Thần và Phật; (vii) cổ vật có nguồn gốc nước ngoài; và (viii) các chất kích thích.

Với các mặt hàng nông sản: với mặt hàng trái cây, các doanh nghiệp nhập khẩu phải đăng ký với Bộ Thương mại Thái Lan và tuân thủ hợp đồng mua tiêu chuẩn. Biện pháp mới của Chính phủ Thái Lan nhằm quản lý các nhà kinh doanh đến từ Trung Quốc. Bộ Thương mại Thái Lan cũng đề xuất với Ủy ban Trung tâm về Giá Sản phẩm và Dịch vụ bao gồm ngũ cốc, nhãn, măng-cụt, và sầu riêng trong danh sách kiểm soát giá. Qui định này thể hiện quyết tâm của Chính phủ Thái Lan nhằm tăng cường quản lý hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu trái cây đang có xu hướng bị chi phối bởi nhiều nhà kinh doanh Trung Quốc.

Hiện nay, theo cam kết về thuế quan trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), ngoại trừ các mặt hàng bị cấm hoặc hạn chế nhập khẩu vào Thái Lan thì hầu hết hàng hóa từ các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam, xuất khẩu sang Thái Lan đều được hưởng ưu đãi miễn thuế (0%). Thái Lan hiện chỉ áp dụng mức thuế 5% đối với 04 nhóm hàng và 07 mặt hàng bao gồm: (i) cây lấy hoa; (ii) khoai tây; (iii) cà phê; và (iv) cùi dứa.

Thực phẩm nhập khẩu vào Thái Lan phải đáp ứng Bộ tiêu chuẩn nông nghiệp Thái Lan (Thai Agricultural Standard – TAS) gồm các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh dịch tễ đối với sức khỏe của con người, động thực vật. Tùy vào mặt hàng cụ thể mà hàng hóa khi xuất sang Thái Lan sẽ phải có có giấy chứng nhận kiểm dịch, giấy chứng nhận an toàn thú y hay giấy chứng nhận về quy trình sản xuất đảm bảo tiêu chuẩn an toàn dịch bệnh (Pets Risk Analysis – PRA) do Cục Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan) cấp.

Tất cả các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu vào Thái Lan, nhãn mác phải được ghi bằng tiếng Thái cung cấp đầy đủ các thông tin về sản phẩm như tên và nhãn hiệu sản phẩm (tên sản phẩm và tên thương mại); số giấy phép đăng ký; tên và địa chỉ nhà sản xuất; tên và địa chỉ nhà nhập khẩu; ngày sản xuất và ngày hết hạn sử dụng sản phẩm; số lượng và trọng lượng tịnh; hướng dẫn sử dụng. Nhãn mác của sản phẩm thực phẩm trước khi đưa vào sử dụng phải được cấp phép bởi Cơ quan quản lý về Thực phẩm và Dược phẩm.

#### **IV. Kết luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

Thái Lan đã khá thành công trong phát triển ngành lúa gạo, liên tục giữ vững vị trí đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo. Chiếm đến hơn 20% tổng lượng gạo xuất khẩu thế giới trong khi sản lượng chỉ chiếm 5%, sản phẩm gạo Thái Lan đã có thương hiệu và được nhiều thị trường yêu thích. Đạt được thành công như vậy là do Chính phủ Thái Lan đã thực hiện những chính sách hợp lý. Tuy còn một số chính sách chưa hợp lý (ví dụ chính sách trợ giá với các hệ lụy về tham nhũng, lãng phí,...) nhưng cũng có những chính sách rất thành công để Việt Nam có thể học tập. Cụ thể như sau:

*Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đưa khoa học công nghệ thâm nhập sâu vào tất cả các quá trình từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến, lưu thông*

Kinh nghiệm của Thái Lan chỉ ra rằng, khoa học công nghệ giúp con người không chỉ tiết kiệm thời gian mà còn nâng cao hiệu quả sản xuất. Chính khoa học công nghệ hiện đại và đồng bộ trong các khâu cũng như ở các địa phương trên cả nước đã giúp Thái Lan phát triển mạnh nhiều ngành sản xuất nông nghiệp, giải phóng sức lao động của nông dân và cải thiện thu nhập cho họ. Việt Nam cũng đã có kinh nghiệm trong việc đón đầu một số thành tựu khoa học công nghệ mới cho phép rút ngắn khoảng cách với các quốc gia khác trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Quá trình này cần phải được tiếp tục tại các vùng, miền, đối với tất cả các khâu khác nhau của chu trình sản xuất nông nghiệp và cần định hướng, quy hoạch phát triển và đầu tư của Nhà nước.

*Đẩy mạnh phát triển những loại nông sản có chất lượng tốt, giá trị kinh tế cao nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân*

Việt Nam tuy là nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới nhưng các số liệu thống kê chỉ ra rằng loại gạo mà chúng ta sản xuất chưa có sức cạnh tranh cao với gạo của các nước khác trên thế giới, hiệu quả không cao. Điều này dẫn đến một thực trạng là chúng ta để mất thị phần không nhỏ trong nước cho các loại gạo chất lượng cao của Thái Lan,... Hơn nữa, tuy nước ta có khối lượng xuất khẩu gạo lớn nhưng do hạn chế về giá nên kim ngạch không cao tương ứng với khối lượng. Ở Thái Lan có xu hướng sản xuất gạo chất lượng cao và có sức cạnh tranh cao để xuất khẩu, nhằm tăng thu nhập cho nông dân. Đây là vấn đề Việt Nam cần quan tâm, bởi lẽ, chúng ta cũng có nhiều loại lúa hay các cây, con trong nông nghiệp có chất lượng cao và được ưa chuộng trên thị trường quốc tế.

*Gắn phát triển kinh tế nông nghiệp với việc giữ gìn tài nguyên, bảo vệ nguồn sống của nông dân, phát triển chương trình “Mỗi làng một sản phẩm - OCOP”*

Hiện nay, ở Việt Nam, nhiều giống cây, con bị khai thác quá mức hoặc do môi trường sống của chúng quá ô nhiễm nên bị thoái hóa, năng suất suy giảm. Với vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của mình, Việt Nam là một trong những nước có nguy cơ tồn thất nhiều nhất trên thế giới trước biến đổi khí hậu. Khi xảy ra thảm họa hay thiên tai thì những người nghèo, những nông dân, cần đến môi trường tự nhiên để sản xuất lại là những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội. Như vậy, phát triển bền vững là cái đích mà chúng ta phải hướng tới, và mô hình nông nghiệp hữu cơ ở Thái Lan (hay Ấn Độ) rất đáng để chúng ta học tập, phổ biến kinh nghiệm cho nông dân nhằm thay đổi tập quán sản xuất của họ theo hướng tiến bộ, thân thiện với môi trường. Thái Lan cũng thực hiện rất thành công chương trình mỗi làng một sản phẩm, vừa giúp nâng cao giá trị sản phẩm vừa bảo tồn được những sản phẩm đặc thù của mỗi vùng miền.

#### *Thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp*

Ở Thái Lan, các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp dành cho tất cả nông dân và là bắt buộc đối với người vay vốn. Phạm vi bảo hiểm áp dụng cho cây lương thực, cây lấy dầu, cây vườn, cây thương mại hàng năm,... Mức bồi thường nhiều loại cây, con từ 60-90% của sản lượng trung bình trong những năm trước. Đương nhiên, để phát triển bảo hiểm nông nghiệp rộng khắp, Chính phủ Thái Lan hỗ trợ nguồn kinh phí đáng kể. Đây là những tham số có thể xem xét khi thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho nông dân Việt Nam, nhất là trong những tình huống mùa màng thất bát, thiên tai./.

## **Tài liệu tham khảo**

- Agroinfo. (2017). *Báo cáo thường niên ngành lúa gạo năm 2017 và triển vọng 2018*.
- Bộ NN và PTNT. (2018). *Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông sản Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030*. MARD
- Cục Xúc tiến thương mại. (2018). *Hồ sơ thị trường Thái Lan*. VCCI-Ban Quan hệ Quốc tế
- Nguyễn Đức Thành & Đinh Tuấn Minh. (2015). *Thị trường lúa gạo Việt Nam: Cải cách để hội nhập – Cách tiếp cận cấu trúc thị trường*. VEPR
- Nguyễn Thị Phong Lan. (2014). *Xuất khẩu nông sản chế biến của Thái Lan và bài học cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. Số 12(85)-2014
- Trade Map. (2018). *Trade statistics for international business development*. ITC
- USDA. (2017). *Grain: World Market and Trade*. United States Department of Agriculture, Foreign Agricultural Service
- USDA. (2017). *Rice Market and Policy Changes over the Past Decade*. USDA Foreign Agriculture Service
- USDA. (2018). *Thailand: Grain and Feed Annual: 2016, 2017*. USDA Foreign Agriculture Service